

## ẢNH HƯỞNG CỦA DỰ ÁN QUY MÔ NHỎ ĐẾN ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI Ở CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI BẮC VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC CHIÊN

Dự án “Khuyến khích phát triển nông lâm và phát triển cơ sở hạ tầng dựa vào cộng đồng ở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn” được triển khai trong vòng 3 năm, từ tháng 7/2005 đến tháng 6/2007. Do Trung tâm Phát triển Kinh tế Xã hội và Môi trường Cộng đồng (CSEED) phối hợp với UBND huyện Văn Quan triển khai với sự tài trợ của tổ chức CARITAS Thụy Sĩ. Dự án được triển khai tại 4 thôn: Bản Thượng, Bản Hạ (xã Phú Mỹ); Nà Rằng, Nà Lùng (xã Việt Yên) của huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn với mục đích cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số ở các xã dự án triển khai, trên cơ sở đó sẽ tiếp tục mở rộng dự án hỗ trợ ra các cộng đồng các dân tộc thiểu số khác thuộc huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Các hoạt động chính của dự án là: tổ chức các khoá tập huấn về kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cấp cơ sở hạ tầng (làm đường liên thôn/xóm, xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng...), hỗ trợ vốn vay cho các hộ gia đình nghèo phát triển sản xuất. Kết quả của đợt đánh giá cuối dự án (tháng 3/2008) cho thấy, dự án đã có những tác động tích cực làm thay đổi điều kiện sống của người dân trong vùng dự án.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập tới sự thay đổi về cơ cấu việc làm trong gia đình; mô hình phân công lao động, đóng góp thu nhập và tham gia vào các quyết định của vợ và chồng trong gia đình; ảnh hưởng của Quỹ tín dụng dự án đến một số thay đổi trong đời sống gia đình và sự tham gia xã hội của các nhóm xã hội trong vùng dự án.

### 1. Kết quả nghiên cứu

#### 1.1. Cơ cấu việc làm trong gia đình

Kết quả khảo sát cho thấy, dự án đã có những tác động tích cực tới sự thay đổi cơ cấu việc làm của các hộ gia đình. Trước năm 2005, các hộ gia đình của 4 thôn triển khai dự án sản xuất với quy mô nhỏ lẻ, do thiếu nước tưới nên diện tích đất canh tác của hộ gia đình rất ít, cơ cấu và số lượng vật nuôi trong gia đình rất ít. Bên cạnh đó, các hộ gia đình sản xuất theo kinh nghiệm và tập tục lâu đời nên không tạo nhiều việc làm cho hộ gia đình.

Từ năm 2005, cùng với sự triển khai các hoạt động của dự án thì cơ cấu, quy mô sản xuất của hộ gia đình từng bước mở rộng và đa dạng hơn trước. Quy mô chăn nuôi của các hộ gia đình đã được mở rộng. Trung bình mỗi hộ nuôi từ 2 con lợn, trâu trở lên, thậm chí có hộ nuôi từ 10 đến 20 con. Quy mô đàn gia cầm, đàn ong của các hộ gia đình cũng mở rộng hơn. Điều quan trọng là hoạt động chăn nuôi đã được người dân thực hiện với mục đích lợi nhuận kinh tế, coi đó là thương phẩm của hộ gia đình bán ra

thị trường. Từ khi có đập thủy lợi cung cấp đủ nước tưới cho sản xuất, người dân đã tiến hành làm 2 vụ lúa/năm. Bên cạnh đó, người dân còn tận dụng những khu đất đồi bỏ hoang để trồng cây ăn quả (cây mận), và cây lâm nghiệp lấy gỗ như: keo và bạch đàn. Sự mở rộng về quy mô và cơ cấu hoạt động sản xuất trồng trọt, chăn nuôi theo hướng này đã tạo điều kiện cho hộ gia đình có cơ cấu việc làm đa dạng hơn và góp phần đảm bảo cung cấp việc làm cho các thành viên trong hộ gia đình. Kết quả thảo luận nhóm nữ, thôn Nà Rằng, xã Việt Yên cho biết *“Từ khi có đập chứa nước tưới ruộng người dân rất phấn khởi vì đã làm được 2 vụ lúa/năm, tạo được nhiều việc làm cho bà con. Không như trước đây, phần lớn diện tích lúa ở thôn Nà Rằng chỉ làm được 1 vụ vì thiếu nước tưới, dân không có việc làm”*.

Mặc dù quy mô sản xuất và cơ cấu việc làm được mở rộng hơn, nhưng do sức ép dân số trong độ tuổi lao động ngày càng tăng, dẫn đến tình trạng dư thừa lao động, thiếu việc làm đang ngày càng trở thành vấn đề nóng bỏng của người dân trong vùng dự án. Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Việt Yên cho biết *“Tại bản Nà Rằng và Nà Nùng, ước tính có khoảng 10% lao động thanh niên đang đi làm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương. Trong số lao động đi làm ăn xa, phần lớn là nhóm có học vấn và sức khỏe”*.

Nhóm thanh niên này thoát ly khỏi quê hương với mục đích tìm được việc làm, có tiền để gửi về hỗ trợ gia đình. Nhưng thực tế thu nhập của họ rất thấp và phải tự trang trải các chi phí của bản thân nên việc hỗ trợ cho gia đình là rất hạn chế. Bên cạnh đó, nhóm thanh niên này còn phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội khác như: sức khỏe, các tệ nạn xã hội, bị ảnh hưởng bởi lối sống theo chiều hướng không tốt. Mặc dù, cuộc sống ở thành phố bấp bênh, không ổn định nhưng họ vẫn không có dự định trở về quê hương tiếp tục kế nghiệp nghề nông truyền thống của cha mẹ. Nếu hiện tượng di cư tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực tới vùng dự án như: già hóa lao động, thiếu lực lượng lao động có sức khỏe và học vấn cao. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chương trình chuyển giao khoa học kỹ thuật mới vào cộng đồng.

### **1.2. Một số thay đổi trong quan hệ vợ chồng về phân công lao động và hoạt động xã hội**

Các nhà dân tộc học cho rằng sắp xếp đời sống gia đình người Tày, Nùng bị ảnh hưởng mạnh bởi văn hóa Nho giáo. Nam giới/người chồng thường có địa vị cao trong gia đình, do đó mô hình phân công lao động trong gia đình thể hiện sự thiên lệch giới như: trong sản xuất nông nghiệp, nam giới chủ yếu tham gia khâu làm đất, còn các công đoạn còn lại như gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch do phụ nữ thực hiện. Bên cạnh đó, người phụ nữ còn phải đảm nhận công việc nội trợ và chăm sóc con cái. Các việc nam giới tham gia nhiều liên quan đến quan hệ xã hội bên ngoài gia đình: tham dự cưới xin, ma chay, họp thôn, và tham gia vào các hoạt động xã hội của địa phương.

Thông qua mô hình phân công lao động có thể thấy, người phụ nữ phải đảm nhận

nhiều việc hơn nam giới. Họ đảm nhận hai vai trò hay nói cách khác “vai trò kép” trong gia đình, vừa là nhân vật chính trong hoạt động sản xuất, vừa là người nội trợ và chăm sóc gia đình. Điều đáng quan tâm là, mặc dù nữ giới - người có vai trò lớn trong sản xuất, chăm sóc con cái và người già nhưng họ không phải là nhân vật có tiếng nói và đưa ra quyết định cuối cùng liên quan đến hoạt động sản xuất và nuôi dạy con cái.

*Phân công lao động trong sản xuất*

Kết quả khảo sát cho thấy, mô hình phân công lao động trong sản xuất của hộ gia đình có sự khác biệt trước và sau dự án: nam giới tham gia chia sẻ công việc với phụ nữ nhiều hơn. Đây là sự kiện báo hiệu xu hướng bình đẳng giới sẽ tiến triển tốt ở Văn Quan trong thời gian tới. Bảng kết quả so sánh dưới đây sẽ chỉ rõ sự thay đổi trong phân công lao động giữa nam và nữ.

**Bảng 1: Phân công lao động giữa nam và nữ trong sản xuất trước và sau dự án**

Loại công việc	Trước dự án						Sau khi có dự án					
	Nam		Nữ		Cả hai		Nam		Nữ		Cả hai	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Làm đất	46	56.1	16	19.5	20	24.4	28	38.9	9	12.5	35	48.6
Gieo trồng	6	7.3	56	68.3	20	24.4	0	0	39	54.2	33	45.8
Chăm sóc	0	0	32	39.0	68	45.3	0	0	23	31.9	49	68.1
Thu hoạch	0	0	19	23.2	63	76.8	0	0	19	26.4	53	73.6
Tiêu thụ sản phẩm	3	3.7	43	52.4	36	43.9	0	0	31	43.1	41	56.9
Chăn nuôi	5	6.3	27	34.2	47	59.5	0	0	36	51.4	34	48.6
Phi nông nghiệp	0	0	4	28.6	10	71.4						

Nam giới cũng đã chia sẻ công việc gia đình với phụ nữ nhiều hơn “*Trước đây ông ấy uống rượu suốt ngày, để mặc công việc vợ con phải làm hết. Tôi phải dậy từ 3 giờ sáng để nấu thức ăn cho lợn, nấu cơm và đi ra ruộng. Con gái đi học về phải vào rừng lấy củi. Sau khi tham gia khóa tập huấn về giới, ông ấy không thể nữa, đã biết giúp đỡ vợ con nhiều hơn*” (nữ 56 tuổi, dân tộc Nùng, học vấn 2/10, bản Hạ, xã Phú Mỹ). Chính sự chia sẻ công việc của nam giới đã giúp người phụ nữ giảm bớt được công việc, có nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn “*Trước đây, phụ nữ có rất nhiều thiệt thòi, hàng ngày phải thức khuya dậy sớm làm lụng việc nhà, làm ruộng nương, chăm sóc con cái. Nói chung là họ phải làm rất nhiều việc. Tham gia vào lớp tập huấn về giới đã giúp tôi hiểu về trách nhiệm của người đàn ông trong gia đình đối với vợ con. Là chồng mình phải tham gia làm giúp vợ các công việc, không để họ thức khuya dậy sớm nữa*” (Nam, 53 tuổi, dân tộc Nùng, bản Hạ, xã Phú Mỹ). Bên cạnh đó, nam giới cũng đã chia sẻ thông tin với người phụ nữ như: phụ nữ ở đây ít người biết tiếng Kinh nên

khi nam giới tham dự các khoá tập huấn về điều trao đổi lại với vợ, và áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế “*Tôi không biết tiếng Kinh nhiều nên chồng đi tập huấn về chăn nuôi. Tập huấn về anh ấy có trao đổi với vợ con nuôi theo cán bộ hướng dẫn. Anh ấy tự đi mua giống và thức ăn nuôi lợn; hơn nữa, hàng ngày anh tự nấu cám, cho lợn ăn và dọn chuồng*” (Nữ 54 tuổi, dân tộc Nùng, học vấn 1/10, bản Thượng, xã Phú Mỹ).

Như vậy có thể nói, các hoạt động của dự án đã có những tác động tích cực tới sự chuyển biến trong phân công lao động gia đình. Nam giới đã tham gia chia sẻ công việc nhiều hơn với thành viên gia đình, giảm bớt công việc cho phụ nữ và trẻ em. Điều này cho thấy đã có sự tiến triển về bình đẳng giới trong các hộ gia đình ở vùng dự án.

#### *Chia sẻ công việc ngoài xã hội giữa vợ và chồng*

Tiến triển bình đẳng giới không chỉ thể hiện trong lao động sản xuất mà còn diễn ra ở các hoạt động ngoài xã hội, chi tiết xem bảng kết quả dưới đây:

**Bảng 2: Người có quyền quyết định cuối cùng những công việc của gia đình**

Các quyết định	Trước năm 2005				Từ sau năm 2005			
	Vợ	Chồng	Người khác	Cả hai	Vợ	Chồng	Người khác	Cả hai
Trồng trọt	51.8	24.1	14.5	9.6	42.2	28.9	8.4	20.5
Chăn nuôi	47.0	32.5	14.5	6.0	37.3	37.3	14.5	10.8
Mua sắm tiện nghi sinh hoạt	24.1	49.4	13.3	13.3	25.3	42.2	8.4	24.1
Xây, sửa nhà cửa,...	0	83.8	15.0	1.3	7.5	76.3	15.0	1.3
Chi tiêu hàng ngày	73.5	13.3	8.4	4.8	65.1	9.6	8.4	16.9
Học hành của con	75.0	22.1	2.9	0	70.6	22.1	2.9	4.4
Hôn nhân của con	0	22.1	72.1	5.9	17.6	22.1	36.8	23.5
Tham gia các hoạt động dự án	34.9	28.9	6.0	30.1	19.3	24.1	9.6	47.0
Tham gia các hoạt động cộng đồng	21.7	60.2	9.6	8.4	14.5	43.4	2.4	39.8
Những công việc liên quan đến hộ hàng	10.8	65.1	15.7	8.4	10.8	56.6	8.4	24.1
Quyết định khác	0	0	0	0	0	0	0	0

Nhìn vào bảng kết quả trên, chúng ta thấy phần lớn các hoạt động đã có sự bàn bạc, thảo luận giữa hai vợ chồng như: việc quyết định tham gia vào dự án trước năm 2005 có 30,1% cả hai vợ chồng cùng quyết định nhưng sau năm 2005 tăng lên 47,0%; hoặc là việc tham gia vào các hoạt động của cộng đồng trước năm 2005 là 8.4% tăng lên 39.8%; hay cả hai tham gia công việc liên quan đến hộ hàng, trước năm 2005 là 8.4% tăng lên 24.1%.

Như vậy là đã có sự chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp tham gia của vợ và

chồng vào công việc liên quan đến quan hệ xã hội của gia đình. Bây giờ, nữ giới/người vợ đã tham gia nhiều hơn vào các công việc xã hội mà trước đây được coi là lãnh địa của người chồng/nam giới. Đây cũng là một trong những kết quả mà dự án đạt được trong việc tạo sự bình đẳng giới trong phân công công việc quan hệ xã hội của gia đình.

Mặc dù, dự án đã có những kết quả đáng kể như vậy, nhưng trên thực tế, sự bất bình đẳng trong phân công lao động vẫn còn tồn tại ở một số hộ gia đình. Sự bất bình đẳng này tập trung ở nhóm nam giới trung niên và cao tuổi “*Tôi vẫn đủ sức khoẻ để quyết định mọi việc trong gia đình: loại giống cây con, chăm sóc con cái, và mua bán các đồ dùng trong gia đình thế nào do tôi là người quyết định. Tôi có ý định bàn giao lại cho con trai nhưng nó chưa dám nhận. Con dâu tập huấn giới về nhà không dám nói đâu. Vì nó biết tôi không ủng hộ nam nữ bình đẳng như vậy. Tôi muốn duy trì nề nếp trật tự gia đình như ngày xưa các cụ. Phải làm thế thì nó mới sợ và kính nể mình, không thì nó cãi náo mình. Con gái hay con dâu đi ra ngoài làm gì tôi không biết, nhưng khi về đến gia đình phải theo trật tự kỷ cương của gia đình tổ tiên, không thể bình đẳng*” (Nam, 69 tuổi, dân tộc Tày, bản Nà Nùng, xã Việt Yên).

#### *Đóng góp thu nhập của vợ và chồng và quyền quyết định*

Khi so sánh mô hình đóng góp thu nhập và công sức của vợ và chồng trước và sau dự án, kết quả cũng cho thấy có một thay đổi đáng kể. Ví dụ, tỷ lệ vợ đóng về công sức trước 2005 là (37.3%), sau dự án giảm xuống (28.9%); tương tự như vậy, ở chỉ báo hai vợ chồng đóng góp công sức ngang nhau trước dự án (56.6%), sau dự án tăng lên (65.1%). Có thể khẳng định, tác động của dự án đã làm thay đổi đáng kể mô hình đóng góp thu nhập và công sức của vợ và chồng trong hoạt động kinh tế của hộ gia đình.

**Bảng 3. Đánh giá về đóng góp thu nhập và công sức của vợ và chồng**

	Đóng góp về thu nhập		Đóng góp công sức	
	Trước 2005	Sau 2005	Trước 2005	Sau 2005
Vợ nhiều hơn chồng	32.5	32.5	37.3	28.9
Chồng nhiều hơn vợ	6.0	6.0	6.0	6.0
Hai vợ chồng ngang nhau	61.5	61.5	56.7	65.1

Từ bảng kết quả trên ta thấy, người vợ đóng góp thu nhập và công sức nhiều hơn chồng trong cả hai thời điểm trước và sau dự án. Một câu hỏi đặt ra liệu họ có quyền lực nhiều hơn chồng không khi họ có nhiều đóng góp cho gia đình?

Mô hình phân chia quyền quyết định các công việc của hộ gia đình có biểu hiện thiên lệch giới tính, sự thiên lệch này rõ hơn ở giai đoạn trước 2005. Người vợ có quyền quyết định cuối cùng nhiều ở các hoạt động trông trọt, chăn nuôi, chi tiêu hàng ngày, học hành của con cái. Trong khi đó người chồng có quyền quyết định cuối cùng nhiều ở các quyết định xây, sửa nhà cửa, mua sắm tiện nghi, các công việc liên quan

đến họ hàng, tham gia các hoạt động của cộng đồng (xem kết quả ở bảng 2: Người có quyền quyết định cuối cùng những công việc của gia đình).

Khi so sánh mô hình này trước năm 2005 và từ sau năm 2005, số liệu cho thấy sự chuyển biến đáng kể về quyết định cuối cùng trên tất cả các hoạt động của hộ gia đình. Chẳng hạn, trước 2005 nhiều công việc như: tham gia hoạt động cộng đồng, công việc liên quan đến họ hàng, xây, sửa nhà của chồng quyết định là chính, thì từ sau năm 2005 vợ tham gia quyết định cuối cùng, hoặc cả hai cùng tham gia quyết định cuối cùng với tỷ lệ cao hơn. Ngược lại, trước năm 2005, quyết định cuối cùng công việc trồng trọt, chăn nuôi chủ yếu do phụ nữ, nhưng từ sau năm 2005, quyết định cuối cùng các công việc này đã có sự tham gia của chồng, hoặc cả hai tăng cao hơn. Từ kết quả này có thể khẳng định dự án đã có ảnh hưởng làm chuyển biến đáng kể mô hình tham gia các quyết định theo xu hướng chia sẻ bình đẳng quyền lực vợ chồng và các thành viên khác trong gia đình khi tham gia các quyết định.

Kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cũng đã giải thích rõ cho kết quả định lượng. Trước dự án, tiếng nói và ý kiến của nữ giới/người vợ ở vùng dự án không có trọng lượng bằng nam giới/ chồng. Người vợ ít được quyền tham gia các quyết định trong gia đình, ngay cả hoạt động chi tiêu ăn uống hàng ngày, đầu tư sản xuất. Tập huấn về giới đã và đang góp phần làm thay đổi mô hình tham gia các quyết định trong gia đình. Địa vị phụ nữ trong gia đình được cải thiện đáng kể so với trước: họ được tham gia ý kiến trong các công việc của gia đình. Tuy nhiên, ý kiến của họ vẫn chỉ là để tham khảo còn quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về nam giới/người chồng.

### **1.3. Quỹ tín dụng dự án và một số thay đổi trong đời sống gia đình**

Dự án cung cấp một quỹ tín dụng cho mỗi bản 20 triệu để hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo, việc phân bổ số vốn và thời gian vay tùy thuộc vào từng bản. Tuy nhiên, ưu tiên cho phụ nữ thuộc các hộ nghèo vay đợt đầu. Quy chế hoàn vốn và trả lãi của quỹ tín dụng dự án có nhiều ưu thế xã hội hơn quy chế hoàn vốn của các ngân hàng nhà nước. Ưu thế khác nữa là người vay được tập huấn kiến thức kỹ thuật phát triển kinh tế hộ gia đình. Phụ nữ tham gia vay vốn được học cách sử dụng vốn có hiệu quả.

Phần lớn hộ gia đình nghèo có phụ nữ vay vốn của dự án được phỏng vấn đều biết áp dụng kiến thức từ khóa tập huấn và phát triển kinh tế gia đình (xem hộp 1). Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy một số hộ sử dụng sai mục đích dẫn đến không có khả năng hoàn trả vốn đúng hạn (xem hộp 2).

<b>Hộp 1. Hai hộ vay vốn từ Quỹ tín dụng của dự án và sử dụng có hiệu quả</b>	
Hộ nghèo, chủ hộ là nam, 56 tuổi, học vắn lớp 7, dân tộc Nùng, nhà có 5 thành viên, vợ và 3 con trai, bản Thượng, xã Phú Mỹ.	Hộ nghèo, chủ hộ là nam, 55 tuổi, học vắn lớp 5, dân tộc Tày, nhà có 4 thành viên, có 2 con gái đang là học sinh, bản Hạ, xã Phú Mỹ

<p><i>Vợ là người đứng tên vay 2 triệu từ tháng 8 năm 2007.</i></p> <p><i>Mua 2 con lợn thịt hết 8 trăm, 2 trăm còn lại cộng thêm 3 trăm tiền của nhà mua cám. Đi tập huấn về chăn nuôi về áp dụng nhưng không thể cho lợn ăn theo hướng dẫn vì không đủ khả năng.</i></p> <p><i>Nuôi 7 tháng xuất chuồng khoảng 70 kg/1 con; bán được hơn 5 triệu đồng.</i></p> <p><i>Mua tiếp 2 con lợn giống và cám hết gần 2 triệu. Số lợn này sẽ nuôi lớn để lấy tiền trả quỹ vay cuối tháng 8/2008 sẽ xuất chuồng.</i></p> <p><i>Số tiền còn lại hơn 3 triệu, tháng 4 vừa qua đã dùng vào việc sửa chữa lại nhà.</i></p>	<p><i>Vợ là người đứng tên vay 1 triệu từ tháng 9 năm 2006 và đã trả vốn vay cho quỹ trước kỳ hạn phải trả 1 tháng .</i></p> <p><i>Mua 2 con lợn thịt hết 6 trăm, tiền còn lại và cộng thêm tiền của nhà mua cám.</i></p> <p><i>Nuôi 8 tháng xuất chuồng được 155kg.</i></p> <p><i>Bán hơn gần 5 triệu đồng.</i></p> <p><i>Trả quỹ vay cả vốn và lãi</i></p> <p><i>Tiền còn lại cho con gái lớn đang học cấp 3 ở thị trấn huyện</i></p>
<p style="text-align: center;"><b>Hộp 2. Hộ vay vốn nhưng không sử dụng vốn vay hiệu quả</b></p> <p><i>Hộ nghèo, chủ hộ là nữ, có 1 con trai 7 tuổi, sống ly thân chồng từ năm 2005</i></p> <p><i>Vay 2 triệu đồng từ quỹ tín dụng của dự án (từ tháng 9 năm 2006) nhưng không nuôi lợn, dùng số vốn vay làm chuồng trâu để mua trâu về cày ruộng. Chuồng trâu làm xong nhưng không có tiền mua trâu.</i></p> <p><i>Đến tháng 9 năm 2008 hết thời hạn vay nhưng hiện nay chưa có nguồn thu nào để trả vốn và lãi.</i></p> <p><i>Nguyện vọng của chi xin quỹ tín dụng dự án gia hạn thêm 1 năm nữa. Chi đề nghị dự án tiếp tục hỗ trợ 3 triệu nữa để mua lợn và cám về chăn nuôi vì giá lợn giống và cám tăng. (Nữ, 30 tuổi, học lớp 9, dân tộc Tày, bản Na Nùng, xã Việt Yên).</i></p>	

Khảo sát cho thấy những phụ nữ sử dụng hiệu quả quỹ tín dụng dự án thuộc những hộ: có lực lượng lao động, thống nhất giữa các thành viên gia đình trong việc sử dụng vốn, chăm chỉ, biết triển khai áp dụng kiến thức tập huấn, biết cách tính toán thu chi, không gặp rủi ro trong sản xuất (chăn nuôi, trồng trọt).

Thành công của quỹ tín dụng là giúp hộ gia đình sắp xếp lao động dư thừa, kích thích suy nghĩ tư duy phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất; đặc biệt là cải thiện nhà ở, đầu tư giáo dục cho con cái.

Hầu hết hộ gia đình vay vốn quỹ tín dụng dự án đều phấn khởi bởi sự hiệu quả của việc sử dụng vốn vay. Tất cả các đối tượng được phỏng vấn đều mong muốn được tiếp tục vay nguồn vốn dự án và nguyện vọng vay với lượng vốn lớn hơn (5 triệu/người

vay) để mở rộng mô hình kinh tế gia đình.

#### **1.4. Tham gia xã hội của các nhóm xã hội**

Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng: đập nước, nhà văn hóa bản, trục đường chính trong một số bản không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống nhân dân 4 bản, mà nó còn có ý nghĩa về mặt xã hội như huy động tham gia xã hội của các nhóm xã hội: đóng góp công sức của các hộ gia đình, trao đổi giao lưu, kích thích tham gia chính trị của các nhóm, đặc biệt là phụ nữ.

Trước năm 2005, các buổi sinh hoạt thường kỳ của đoàn thể như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh., Hội người cao tuổi, v.v... thường mượn nhà trường bản hay chi hội trưởng các đoàn thể trong địa phương để tổ chức. Do đó, các cuộc họp thường không thu hút được sự tham gia của các hội viên; nhiều buổi họp bản quan trọng nhưng thiếu vắng nhiều nhóm xã hội, trong đó có người già, thanh niên, đặc biệt là rất ít phụ nữ đến tham dự. Hiện nay, họp dân và sinh hoạt của các đoàn thể đều diễn ra tại nhà văn hóa bản. Có nhà văn hóa bản, các buổi họp và sinh hoạt được tổ chức thường xuyên và thu hút đông đảo hội viên tham gia. Điều đáng chú ý là các buổi họp thôn đã thu hút các nhóm xã hội khác nhau tham dự, nhóm người già, thanh niên, đặc biệt là sự tham gia của phụ nữ. Phụ nữ tham gia đông và chủ động phát biểu ý kiến liên quan đến các quyết sách của cộng đồng. Thực tế này cho thấy địa vị xã hội và tiếng nói của phụ nữ ở bên ngoài xã hội cũng đang được cải thiện.

*“Có nhà văn hóa bản, tổ chức các buổi họp dân dễ hơn rất nhiều. Trước đây thường tổ chức họp dân ở nhà trưởng bản. Dự án hỗ trợ nhà văn hóa bản là rất tốt, địa điểm đi lại cũng thuận tiện, dân đến rất đông và phát biểu nhiều hơn” (Thảo luận nhóm nam, bản Hạ, xã Phú Mỹ).*

Nhà văn hoá bản là nơi diễn ra các hoạt động quan trọng của cộng đồng. Các hộ gia đình, các hội viên, người dân đến đây không chỉ tham dự các sinh hoạt chung, họ trao đổi chia sẻ kinh nghiệm sản xuất.

#### **- Giảm mâu thuẫn, bạo lực gia đình và xung đột cộng đồng**

##### **Hộp 3.**

*Đi tập huấn về mình biết cách xử lý và chỉnh đốn vợ con nhẹ nhàng hơn, biện pháp thuyết phục là chính. Đàn ông sống có trách nhiệm và cãi nhau vợ chồng hạn chế hơn (Nam, 53 tuổi, dân tộc Nùng, bản Hạ).*

*Trước đây bất bình đẳng, đàn ông hay chửi đàn bà, có người còn đánh đập phụ nữ, và cả đánh con nữa. Tập huấn về giới đã mang lại nhiều thay đổi, đàn ông ít mắng chửi đánh đập vợ con (Nữ, 50 tuổi, dân tộc Tày, bản Nà Rằng).*

*Từ khi tập huấn về nam giới không say rượu nữa, không gây mâu thuẫn đánh vợ con*



*như trước (Thảo luận nhóm nữ, bản Nà Rằng, xã Việt Yên)*

*Trước kia chưa xây đập tôi phải đi gác nước vào ruộng cả ngày đêm, nhiều lần mang cả con theo để nó trông nước nhưng vẫn bị lấy mất của mình. Mình đang dẫn nước vào ruộng, bỏ về nhà thì người ta lại bỏ máng dẫn nước của mình ra cho máng của họ vào, ra thấy rất bức mình thế là mắng nhau thôi. Có đập người dân đoàn kết hơn vì không còn xảy ra tình trạng tranh nhau nước nữa (Thảo luận nhóm nữ, bản Nà Rằng, xã Việt Yên).*

Kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho thấy có chuyển biến rất lớn trong việc cải thiện các mối quan hệ: quan hệ vợ chồng trong gia đình, quan hệ giữa các hộ và các nhóm trong cộng đồng. Trong gia đình, hiện tượng nam giới/người chồng mắng chửi và đánh đập vợ con không diễn ra như trước nữa; trong cộng đồng, những mâu thuẫn xích mích giữa các hộ gia đình chủ yếu trong sản xuất diễn ra thường xuyên trước đây thì hiện nay đã hạn chế. Những chuyển biến này cho thấy dự án đã góp phần quan trọng hạn chế và giảm thiểu mâu thuẫn, bạo lực và xung đột giữa vợ và chồng trong gia đình, và trong cộng đồng ở những bản hưởng lợi dự án.

## **2. Một vài kết luận**

Dự án “Khuyến khích phát triển nông lâm và phát triển cơ sở hạ tầng dựa vào cộng đồng ở huyện Văn Quan” đã có những tác động tích cực tới sự thay đổi về điều kiện sống cho các hộ gia đình nghèo trong vùng dự án thuộc hai xã huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Về mặt xã hội, các hoạt động của dự án đã tạo được sự chuyển biến đáng kể trong người dân vùng dự án: thay đổi nhận thức, hành vi sản xuất và thay đổi tư duy tổ chức kinh tế hộ (đầu tư và sử dụng vốn, hạch toán kinh tế, tiếp cận thị trường).

Bên cạnh đó, dự án cũng đã giúp hộ gia đình, đặc biệt là hộ nghèo mở rộng cơ cấu việc làm, tạo việc làm cho các thành viên trong gia đình; đồng thời cũng tăng nguồn thu nhập cho các thành viên và người phụ nữ trong hộ gia đình. Từ đó cải thiện mức sống, cơ hội tham gia giáo dục, v.v... cho người dân, đặc biệt là nhóm hộ nghèo. Điều đáng quan tâm là kết quả của dự án đã góp phần nâng cao địa vị - vai trò phụ nữ cả trong gia đình và ngoài xã hội. Nữ giới tham gia vào các quyết định trong gia đình và các quyết sách của cộng đồng nhiều hơn. Đây là một tín hiệu tốt cho sự tăng cường liên kết và bình đẳng xã hội giữa các nhóm xã hội trong cộng đồng. Dự án cũng đã góp phần khích lệ các hộ gia đình phát huy nội lực trong phát triển kinh tế, tạo ra một môi trường cộng đồng có sự liên kết chặt chẽ, đoàn kết cao trong sản xuất và đời sống, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững cộng đồng. Tuy vậy, kết quả khảo sát cũng cho thấy tồn tại nhiều hạn chế/trở ngại trong mỗi hộ gia đình và cộng đồng. Đây có thể được xem là những thách thức cản trở sự phát triển cộng đồng hiện nay và trong thời gian tiếp theo./.